

Số: 1607/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 02 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình  
Hệ thống cấp nước Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam;

Căn cứ Quyết định số 2280a/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam;

Căn cứ Quyết định số 1812a/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống cấp nước Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (lần 02);

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số 05/TTr-BXDNL ngày 28/12/2018 và theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 2440/BC-STC ngày 12/9/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống cấp nước Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam.



2. Chủ đầu tư: Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh Ninh Thuận.

3. Địa điểm xây dựng: Tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành (theo thực tế): Từ ngày 24/02/2016 đến ngày 29/12/2017.

5. Đơn vị kiểm toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán Thái Bình Dương.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt (quyết toán)	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Thu hồi
<b>Tổng số</b>	<b>96.560.504.511</b>	<b>97.774.145.923</b>	<b>1.213.641.412</b>
Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các vùng	96.560.504.511	97.774.145.923	1.213.641.412

### 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>98.925.039.793</b>	<b>96.560.504.511</b>
Chi phí xây dựng	84.866.728.439	83.660.639.633
Chi phí thiết bị	3.938.643.500	3.908.393.500
Chi phí quản lý dự án	1.234.577.658	1.234.577.658
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.400.617.068	6.184.013.923
Chi phí khác	1.370.418.589	1.332.456.047
Chi phí dự phòng	873.630.789	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
<b>Tổng số</b>	/	/	<b>96.560.504.511</b>	/
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	/	/	96.560.504.511	/
Tài sản ngắn hạn	/	/	0	/

**Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan****1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>96.560.504.511</b>	/
Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các vùng	96.560.504.511	/

b) Tổng các khoản công nợ của dự án tính đến ngày 08/4/2018:

- Tổng nợ phải thu: 1.422.900.684 đồng;

- Tổng nợ phải trả: 209.259.272 đồng.

(Có Bảng tình hình thanh toán và công nợ của dự án do Sở Tài chính lập tại Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 2440/BC-STC ngày 12/9/2019 kèm theo Quyết định này).

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:**

Được phép ghi tăng tài sản là:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản lưu động
<b>Tổng số</b>	<b>96.560.504.511</b>	/
Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận	96.560.504.511	/

**3. Trách nhiệm của Sở Tài chính hướng dẫn hạch toán tài sản.****Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam, Giám đốc Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh, Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (04 bản QĐ);
- VPUB: KTTH;
- Lưu: VT. Đạt

**CHỦ TỊCH****Lưu Xuân Vĩnh**

**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ QUẢN LÝ**

**Dự án: Hệ thống cấp nước Sơn Hải,  
xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam**

*(Kèm theo Báo cáo số 2440/BC-STC ngày 12/19/2019)*

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên cá nhân đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị được thẩm tra	Đã thanh toán	Công nợ đến ngày 08/4/2018	
					Phải trả 6=4-5 > 0	Phải thu 7=5-4 > 0
1	2	3	4	5	6=4-5 > 0	7=5-4 > 0
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>		<b>87.569.033.133</b>	<b>88.791.950.951</b>	<b>0</b>	<b>1.222.917.818</b>
1	Cty TNHH XD&TM Hướng Dương	Gói thầu số 13 (thi công hệ thống điện)	676.404.000	679.640.000	0	3.236.000
2	Cty TNHH XD&TM Hướng Dương	Gói thầu số 14	9.501.973.000	9.607.497.829	0	105.524.829
3	Cty TNHH Liên Minh	Gói thầu số 14 (Thi công xây lắp + thiết bị)	9.338.703.001	9.356.406.001	0	17.703.000
4	Công ty TNHH TM&XD Sơn Long Thuận	Gói thầu số 14	4.322.442.982	4.366.740.982	0	44.298.000
5	DN tư nhân SX TM&XD Ánh Dương	Gói thầu số 14	4.880.791.000	4.937.264.000	0	56.473.000
6	C ty CP ĐT XD TM&DV Trường Thịnh Phát	Gói thầu số 14	3.550.877.680	3.591.780.680	0	40.903.000
7	Công ty TNHH Thuận Phú	Gói thầu số 14	1.881.404.151	1.899.790.000	0	18.385.849
8	Xí nghiệp xây dựng Thăng Long	Gói thầu số 15	5.437.360.000	5.537.202.000	0	99.842.000
9	Công ty CP đầu tư PT và XD giao thông 208	Gói thầu số 15	6.332.597.000	6.414.484.000	0	81.887.000
10	Công ty TNHH TM&XD Tân Phát	Gói thầu số 15	3.033.623.097	3.069.531.097	0	35.908.000
11	Công ty CP Gia Việt	Gói thầu số 16	12.410.080.382	12.657.414.382	0	247.334.000
12	Xí nghiệp xây dựng Thăng Long	Gói thầu số 17	8.513.371.000	8.691.369.000	0	177.998.000
13	Cty TNHH XD&TM Đức Tâm	Gói thầu số 17	3.513.233.426	3.585.642.609	0	72.409.183
14	Cty TNHH XD và tư vấn TK Thái Hoàng	Gói thầu số 17	3.324.606.371	3.379.830.371	0	55.224.000
15	Xí nghiệp xây dựng Thăng Long	Gói thầu số 21	8.357.208.043	8.523.000.000	0	165.791.957
16	Xí nghiệp xây dựng Thăng Long	Gói thầu số 28	731.097.000	731.097.000	0	0
17	Cty TNHH XD&TM Đức Tâm	Gói thầu số 29	918.700.000	918.700.000	0	0
18	Xí nghiệp xây dựng Thăng Long	Gói thầu số 33	844.561.000	844.561.000	0	0
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐÈN BÙ</b>		<b>240.423.750</b>	<b>240.423.750</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Ban XD NL và TH các DA ODA ngành nước	Chi phí đèn bù	240.423.750	240.423.750	0	0



<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QL DỰ ÁN</b>		<b>1.234.577.658</b>	<b>1.212.417.123</b>	<b>22.160.535</b>	<b>0</b>
1	Ban XD NL và TH các DA ODA ngành nước	Chi phí quản lý dự án	1.234.577.658	1.212.417.123	22.160.535	0
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TV ĐẦU TƯ XD</b>		<b>6.184.013.923</b>	<b>6.364.783.844</b>	<b>1.417.000</b>	<b>182.186.921</b>
<b>A</b>	<b>Hạng mục chính</b>		<b>5.286.131.411</b>	<b>5.465.629.541</b>	<b>1.417.000</b>	<b>180.915.130</b>
1	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát địa hình lập dự án	458.637.999	458.637.999	0	0
2	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát địa chất lập dự án	257.630.861	257.630.861	0	0
3	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí lập dự án	222.489.889	222.489.889	0	0
4	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí lập điều chỉnh dự án	49.667.532	61.363.372	0	11.695.840
5	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát địa hình lập TKBVTC-DT	671.248.880	755.903.821	0	84.654.941
6	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát địa chất lập TKBVTC-DT	209.646.999	209.646.999	0	0
7	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí lập thiết kế BVTC-DT	1.546.505.392	1.546.505.392	0	0
8	Cty TNHH Việt Hoàng	Chi phí giám sát khảo sát lập dự án	14.705.000	14.705.000	0	0
9	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Chi phí giám sát khảo sát lập TKBVTC	19.822.000	18.405.000	1.417.000	0
10	Cty TNHH Tư vấn TK XD Phú Mỹ	Chi phí lập HSYC và ĐGHSDX	100.344.480	114.236.986	0	13.892.506
11	Cty TNHH Việt Hoàng	Chi phí giám sát thi công xây dựng	204.532.416	208.000.000	0	3.467.584
12	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Chi phí giám sát thi công xây dựng	885.195.741	952.400.000	0	67.204.259
13	Trung tâm Quy hoạch kiểm định CL XD NT	Chi phí kiểm định chất lượng	351.204.222	351.204.222	0	0
14	Trung tâm quan trắc TN và MT Ninh Thuận	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	59.500.000	59.500.000	0	0
15	Cty TNHH Đông Sơn Ninh Thuận	Chi phí giám sát đánh giá đầu tư	235.000.000	235.000.000	0	0
<b>B</b>	<b>Hạng mục mở rộng</b>		<b>741.162.404</b>	<b>742.434.195</b>	<b>0</b>	<b>1.271.791</b>
1	Cty TNHH Đông Sơn Ninh Thuận	Chi phí khảo sát địa hình bước TKBVTC	305.528.204	305.528.204	0	0
2	Cty TNHH Đông Sơn Ninh Thuận	Chi phí lập thiết kế BVTC-DT	168.652.991	168.652.991	0	0
3	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Chi phí giám sát khảo sát bước TKBVTC	4.881.209	6.153.000	0	1.271.791
4	Cty TNHH Tư vấn XD Hưng Thịnh	Chi phí giám sát thi công xây dựng	168.400.000	168.400.000	0	0
5	Trung tâm Quy hoạch kiểm định CL XD NT	Chi phí kiểm định chất lượng	58.900.000	58.900.000	0	0
6	Cty TNHH Đông Sơn Ninh Thuận	Chi phí giám sát đánh giá đầu tư	34.800.000	34.800.000	0	0
<b>C</b>	<b>Hạng mục xử lý kỹ thuật và bổ sung</b>		<b>156.720.108</b>	<b>156.720.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát địa hình - Phần xây lắp KT	33.694.000	33.694.000	0	0
2	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí khảo sát địa hình - Phần bổ sung	49.948.000	49.948.000	0	0
3	Viện Đào tạo và KH ứng dụng Miền Trung	Chi phí lập thiết kế -DT	31.328.000	31.328.000	0	0
4	Cty TNHH TVTK Trung Nguyên	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	2.033.923	2.033.923	0	0
5	Cty TNHH Đông Sơn Ninh Thuận	Chi phí giám sát thi công xây dựng	29.400.000	29.400.000	0	0
6	Trung tâm Quy hoạch kiểm định CL XD NT	Chi phí kiểm định chất lượng	10.316.185	10.316.185	0	0

<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>1.332.456.047</b>	<b>1.164.570.255</b>	<b>185.681.737</b>	<b>17.795.945</b>
<b>A</b>	<b>Hạng mục chính</b>		<b>692.647.611</b>	<b>710.100.026</b>	<b>0</b>	<b>17.452.415</b>
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lệ phí thẩm định dự án	12.418.800	14.838.756	0	2.419.956
2	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định TKBVTC	53.010.744	54.752.101	0	1.741.357
3	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định dự toán	50.964.404	52.599.169	0	1.634.765
4	Ban XD NL và TH các DA ODA ngành nước	Cphi thẩm định lựa chọn KQ nhà thầu	40.253.663	51.910.000	0	11.656.337
5	Công ty Bảo Minh Ninh Thuận	Chi phí bảo hiểm công trình	536.000.000	536.000.000	0	0
<b>B</b>	<b>Hạng mục mở rộng</b>		<b>46.383.961</b>	<b>46.383.961</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định TKBVTC	9.396.125	9.396.125	0	0
2	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định dự toán	9.097.836	9.097.836	0	0
3	Công ty Bảo hiểm MIC Bình Thuận	Chi phí bảo hiểm công trình	27.890.000	27.890.000	0	0
<b>C</b>	<b>Hạng mục xử lý kỹ thuật và bổ sung</b>		<b>7.302.943</b>	<b>7.646.473</b>	<b>0</b>	<b>343.530</b>
1	Công ty Bảo hiểm MIC Bình Thuận	Chi phí bảo hiểm công trình	5.421.000	5.421.000	0	0
2	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định TKBVTC	1.881.943	2.225.473	0	343.530
<b>D</b>	<b>Chi phí chung cho cả dự án</b>		<b>586.121.532</b>	<b>400.439.795</b>	<b>185.681.737</b>	<b>0</b>
1	Ban XD NL và TH các DA ODA ngành nước	Chi phí vận hành hệ thống	74.055.995	74.055.995	0	0
2	Ban XD NL và TH các DA ODA ngành nước	Chi phí tổ chức nghiệm thu, bàn giao	54.383.800	54.383.800	0	0
3	Cty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán	272.000.000	272.000.000	0	0
4	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	185.681.737	0	185.681.737	0
	<b>TỔNG SỐ= I+II+III+IV+V</b>		<b>96.560.504.511</b>	<b>97.774.145.923</b>	<b>209.259.272</b>	<b>1.422.900.684</b>

